TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **399**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2026
(V/v tranh chấp Ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Ngân - Thẩm phán**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

2. Ông Lê Minh Hiệp

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Thị Kim Mỹ - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 361/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Ngọc T,** sinh năm 1995;

Nơi thường trú: Số 64 D, tổ 9, phường P, Hà Nội;

Chỗ ở: Căn hộ B016, tòa B chung cư I, 203 N, phường T, Hà Nội - có mặt.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Thành V,** sinh năm 1987;

Nơi thường trú: Số 64 D, tổ 9, phường P, Hà Nội;

Chỗ ở: Căn hộ 704 tòa nhà OCT3A, khu đô thị R, phường Đ, Hà Nội - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc T trình bày như sau:***

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Thành V đăng ký kết hôn ngày 2/1/2018 tại UBND phường M, Cầu G, Hà Nội (nay là phường P, Hà Nội). Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V có gặp gỡ qua lại với nhiều

người phụ nữ khác khi chị không ở Hà Nội. Anh chị đã ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu K (Giới tính: Nam, sinh ngày 28/2/2019). Hiện nay cháu đang ở cùng anh Nguyễn Thành V. Hàng tuần chị vẫn được đón cháu về chăm sóc 02 ngày trong tuần và cháu vẫn vui vẻ bình thường. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống và tâm sinh lý của cháu, khi ly hôn chị đồng ý để bố cháu là anh Nguyễn Thành V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Chị mong tòa giải quyết cho nguyện vọng của tòa chị

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

* ***Bị đơn là anh Nguyễn Thành V*** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

**** Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự , Tòa án nhân dân Khu vực 4- Hà Nội thụ lý đơn ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã tiến hành tống đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 21; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Thành V. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu K (giới tính: nam, sinh ngày 28/02/2019), khi ly hôn giao cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Thành V đăng ký hộ khẩu thường trú: Số F D, tổ I, phường P, Hà Nội nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vự 4 - Hà Nội.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đến ngày xét xử vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do, nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy:

Chị Trần Thị Ngọc T và Nguyễn Thành V đăng ký kết hôn ngày 2/1/2018 tại UBND phường M, Cầu G, Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội). Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V có gặp gỡ qua lại với nhiều người phụ nữ khác khi chị không ở Hà Nội. Hiện nay anh chị đã ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh V. Anh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày. Tòa án đã đi tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh V về tình trạng vợ chồng anh chị thì được tổ trưởng tổ dân phố cung cấp thông tin về việc hiện nay anh V cùng con trai là cháu Nguyễn Hoàng Hữu K đang ở tại căn hộ G tòa O khu đô thị R, phường Đ, Hà Nội, chị T không sinh sống tại địa chỉ trên cùng hai bố con. Tổ trưởng tổ dân phố xác nhận việc hàng ngày anh V là người đưa đón cháu K đi học, cuộc sống ổn

định không xảy ra vấn đế gì. Hội đồng xét xử xem xét đến việc anh chị không còn tình cảm, hiện nay hai vợ chồng đã ly thân, mỗi người ở một nơi nên xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh V.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu K (Giới tính: Nam, sinh ngày 28/02/2019). Khi ly hôn, chị T có trình bày nguyện vọng là tiếp tục để anh V nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng Hữu K do công việc chị làm bác sĩ phải trực đêm và đi công tác. Cháu K trình bày hiện nay cháu đang ở với bố vui vẻ, hạnh phúc và có nguyện vọng muốn ở với bố . Hiện nay cháu đang học lớp 1A1 trường Tiểu học C. Tổ trưởng dân phố cũng xác nhận việc cháu K ở với anh V, hàng ngày anh V vẫn đưa đón cháu đi học. Chị T vẫn được về đón cháu và chăm sóc cháu vào 02 ngày trong tuần và thấy cháu vẫn vui vẻ bình thường. Xét thấy chị T đã có nguyện vọng để con chung cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng, để tránh việc làm xáo trộn cuộc sống và tâm sinh lý của cháu K, Hội đồng xét xử xem xét việc giao cháu K cho anh Nguyễn Thành V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng) kể từ tháng 04/2026 cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T

[5] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về khoản nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147;192; 203; khoản 1 điều 207; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228;điều 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

*__***Xử:***__ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Thành V. Chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Thành V.

Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thành V có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu K (giới tính: Nam) sinh ngày 28/02/2019. Giao cháu Nguyễn Hoàng Hữu K cho anh Nguyễn Thành V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị Trần Thị Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng nuôi chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng) kể từ tháng 04/2026 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Tòa án không xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 00010101 ngày 03/10/2025 tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 - Hà Nội. Chị Trần Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh V. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- VKSND Khu vực 4- Hà Nội
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4- Hà Nội
- UBND phường P, tp.Hà Nội.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Phạm Thị Thu Ngân